

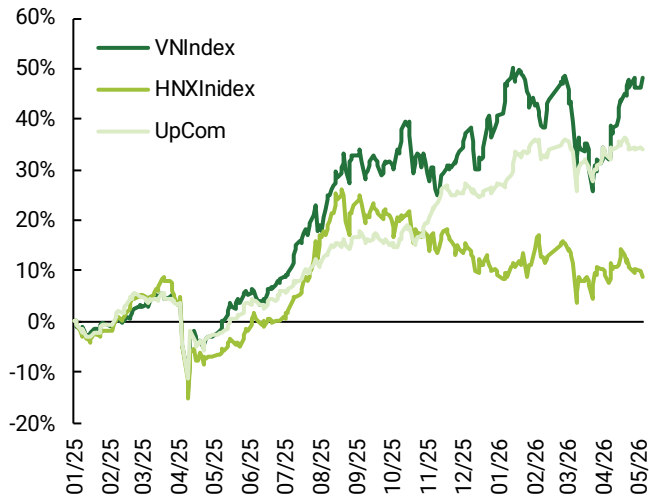
**VN-Index** **1874.85 (1.12%)**  
835 Tr. cổ phiếu 22463.5 Tỷ VND (5.51%)

**HNX-Index** **247.42 (-1.05%)**  
68 Tr. cổ phiếu 1261.4 Tỷ VND (-14.27%)

**UPCOM-Index** **127.26 (-0.35%)**  
28 Tr. cổ phiếu 504.3 Tỷ VND (-29.58%)

**VN30F1M** **2038.80 (1.04%)**  
251,939 HD OI: 39,692 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1874.8, tăng +20.8 điểm (+1.12%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 tăng trong khi HNXIndex giảm điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thị trường tiếp tục tăng điểm trong phân hóa với trạng thái “xanh vỏ đỏ lòng” chi phối. Nhóm Vingroup nâng đỡ sắc xanh cho chỉ số trong khi số mã giảm vẫn áp đảo.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+3.5%), VRE (+4.5%), VHM (+6.5%) Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (+6.7%), GEE (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (+1.6%), POW (+2.6%) | Dầu khí: PVD (+3.9%), BSR (+5.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: SHB (-2.4%), ACB (-2.2%), EIB (-1.6%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-2.4%), VCI (-2.1%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-3.3%), CII (-3.1%) | Tài nguyên Cơ bản: NKG (-2.4%), KSB (-1.2%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPB, BSR, VPL - Chiều giảm | VCB, GVR, NVL, ACB, HPG  
Khối ngoại Bán ròng gần 1000 tỷ, tập trung nhiều ở ACB, HPG, FPT, trong khi mua ròng POW, VHM, PVT.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** tiếp tục vận động trong biên ngang. Sắc xanh được nâng đỡ bởi nhóm Vingroup trong khi áp lực điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế. Điều này càng thể hiện rõ qua tỷ lệ cổ phiếu giao dịch trên ngưỡng MA20 ngày duy trì dưới mức 40%, hàm ý độ rộng thị trường chưa thực sự cải thiện. Thêm vào áp lực, khối ngoại gia tăng bán ròng ở các mã blue-chip sang phiên thứ 3 liên tiếp gần nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Về kỹ thuật, nếu chỉ số bút phá thành công ngưỡng 1880 điểm có thể hướng tới khu vực đỉnh cũ 1900 – 1910 điểm, song, độ bền của xu hướng đi lên sau đó sẽ kém bền vững nếu độ rộng thị trường không được cải thiện.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số sụt giảm dưới ngưỡng hỗ trợ 250 điểm nhưng thanh khoản thấp. Vận động có thể quay lại kiểm định thêm khu vực này. Trong trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm có thể tiếp tục lùi về ngưỡng 244.
- **Chiến lược:** NĐT nên tập trung vào danh mục hiện có để quản trị phù hợp, trong bối cảnh chỉ số phát tín hiệu nhiễu. Hiện đa phần cổ phiếu đang vận động quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn, nếu chưa vi phạm, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ. Trường hợp xuất hiện tín hiệu gãy xu hướng, nên chủ động hạ bớt vị thế để kiểm soát rủi ro. Chiều mua mới chưa nên vội vàng, cần xuất hiện mẫu hình đảo chiều đáng tin cậy. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Đầu tư công và Bất động sản.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi GVR (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,874.9 ▲	1.1%	-0.1%	11.3%	22,463.5 ▲	5.5%	15.5%	6.2%	835.2 ▲	11.3%	32.5%	8.0%
HNX-Index	247.4 ▼	-1.0%	-0.8%	-0.5%	1,261.4 ▼	-14.3%	10.3%	11.7%	68.3 ▼	-13.2%	8.5%	8.0%
UPCOM-Index	127.3 ▼	-0.4%	-0.3%	0.6%	504.3 ▼	-29.6%	-34.5%	-41.8%	28.3 ▼	-1.0%	-44.5%	-41.7%
VN30	2,032.3 ▬	0.9%	-0.4%	10.6%	12,897.1 ▬	0.4%	15.0%	15.2%	340.4 ▲	16.2%	27.8%	12.1%
VNMID	2,187.5 ▼	-0.5%	0.2%	2.1%	8,090.7 ▲	18.7%	16.0%	-3.0%	361.3 ▲	17.5%	23.9%	-5.1%
VNSML	1,404.7 ▼	-0.4%	0.2%	-0.1%	1,069.2 ▼	-3.9%	27.2%	15.8%	60.8 ▼	-20.4%	6.7%	-9.2%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	634.8 ▼	-0.2%	-0.20%	5.0%	5,369.9 ▲	2.97%	83.6%	4.7%	238.1 ▲	13.8%	104.3%	10.8%
Bất động sản	1,008.3 ▲	3.5%	0.6%	34.4%	5,543.9 ▼	-0.6%	81.7%	43.6%	154.0 ▼	-7.7%	66.1%	23.7%
Dịch vụ tài chính	307.1 ▼	-0.6%	-0.8%	-0.1%	1,633.3 ▲	10.5%	78.9%	-33.9%	79.8 ▲	13.4%	85.0%	-27.8%
Công nghiệp	275.2 ▲	2.8%	-0.5%	0.3%	1,493.2 ▲	14.9%	123.8%	46.3%	40.7 ▲	6.0%	107.4%	39.6%
Tài nguyên cơ bản	536.3 ▼	-1.0%	-0.8%	3.8%	1,329.1 ▲	113.2%	196.6%	28.8%	49.6 ▲	73.5%	156.5%	17.4%
Xây dựng - Vật Liệu	175.5 ▼	-0.4%	-1.1%	0.5%	1,303.2 ▼	-29.6%	49.4%	9.5%	67.0 ▼	-27.1%	56.9%	16.8%
Thực phẩm	498.7 ▼	-0.4%	-5.7%	-25.7%	969.6 ▼	-10.2%	69.0%	-9.2%	23.3 ▼	-25.1%	56.2%	-6.7%
Bán Lẻ	1,564.5 ▼	0.0%	1.5%	4.6%	600.4 ▼	-15.7%	28.8%	-7.2%	7.3 ▼	-17.9%	24.6%	-14.5%
Công nghệ	401.2 ▬	0.7%	0.3%	-0.5%	996.7 ▲	22.1%	113.5%	68.9%	14.1 ▲	24.4%	104.7%	62.3%
Hóa chất	187.4 ▼	-1.4%	5.6%	6.4%	542.5 ▼	-11.8%	42.1%	3.0%	17.1 ▼	-15.6%	44.1%	16.0%
Tiện ích	745.3 ▬	1.0%	-0.9%	-2.0%	557.4 ▲	72.6%	120.5%	48.1%	32.6 ▲	142.1%	203.3%	103.5%
Dầu khí	108.6 ▲	4.6%	0.1%	-4.0%	965.2 ▲	110.5%	152.0%	100.2%	33.8 ▲	105.6%	152.0%	108.0%
Dược phẩm	421.6 ▼	-0.3%	2.1%	-3.9%	43.0 ▲	55.8%	22.3%	-7.5%	2.6 ▲	110.7%	88.6%	62.2%
Bảo hiểm	108.1 ▼	-1.3%	-1.8%	-15.3%	50.1 ▲	31.5%	97.3%	0.4%	0.9 ▲	28.2%	80.8%	-19.9%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,874.9 ▲	1.12%	5.1%	14.4x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,490 ▼	-0.24%	18.3%	17.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,057 ▲	1.22%	-18.4%	14.4x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,887 ▬	0.31%	4.7%	16.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,898 ▼	-0.74%	-2.6%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,112	-	3.6%	16.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,899 ▼	-0.76%	1.0%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,513	-	18.2%	23.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,201 ▼	-0.41%	5.2%	28.2x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	48,942 ▼	-1.13%	1.8%	25.0x	5.5x
FTSE 100	Anh	10,255 ▼	-1.05%	3.3%	16.5x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,841 ▲	1.35%	0.9%	16.8x	2.4x
DXY		98.4 ▬	0.29%	0.1%		
USDVND		26,331 ▼	-0.04%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

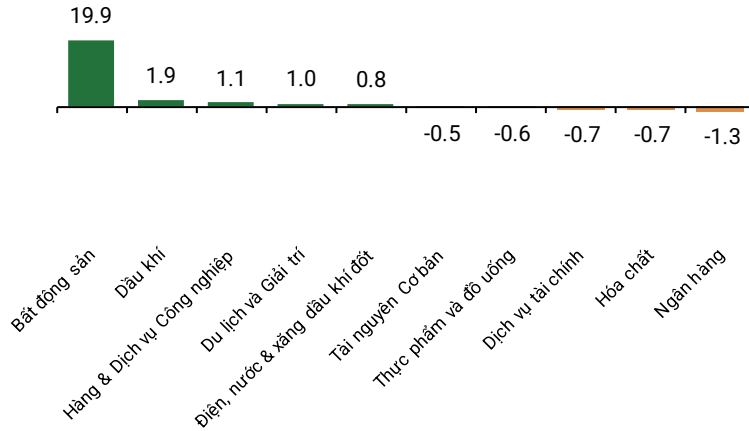
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.3%	3.6%	85.6%	87.5%
Dầu WTI	▼	-2.1%	-6.6%	81.5%	82.4%
Khí gas	▼	-0.8%	1.6%	-22.8%	-19.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.5%	3.5%	9.6%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	3.1%	3.9%	3.1%
PVC (*)	▬	0.0%	-5.2%	14.2%	6.7%
Phân Urea (*)	▼	-0.6%	4.7%	92.6%	106.6%
Cao su thiên nhiên	▬	0.1%	8.5%	20.8%	28.1%
Bông Cotton	▬	0.0%	13.6%	25.4%	14.5%
Đường	▬	0.2%	2.1%	2.1%	-12.3%
World Container Index	▬	0.0%	-3.1%	0.2%	6.0%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	-24.4%	108.6%	153.6%
Vàng	▬	0.67%	-2.7%	5.4%	36.5%
Bạc	▲	1.29%	0.9%	2.9%	126.9%

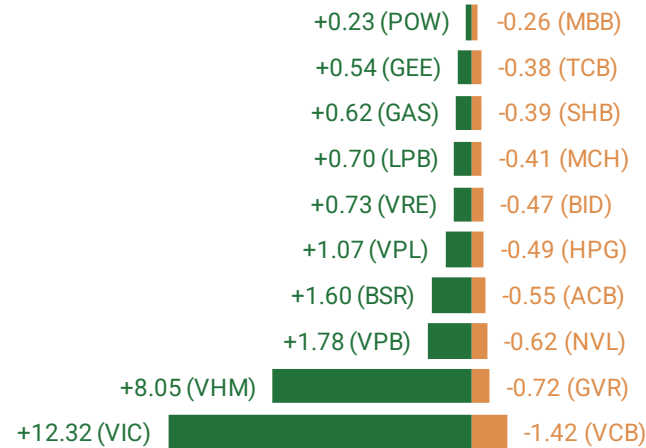
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

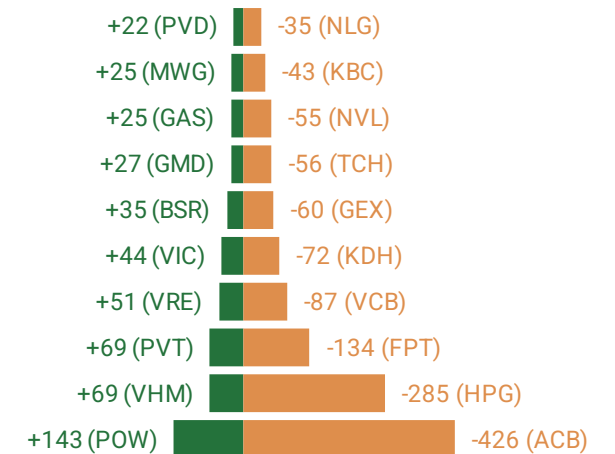
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



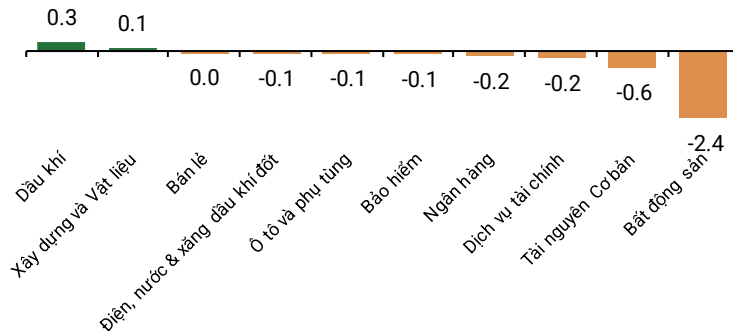
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



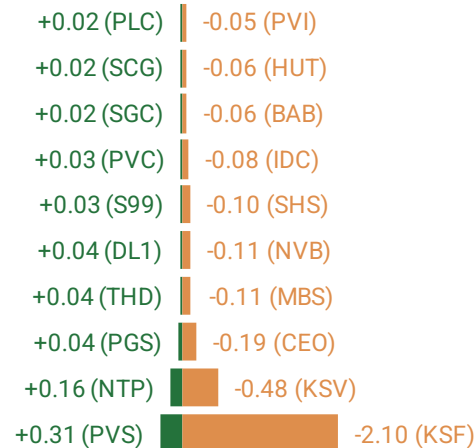
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



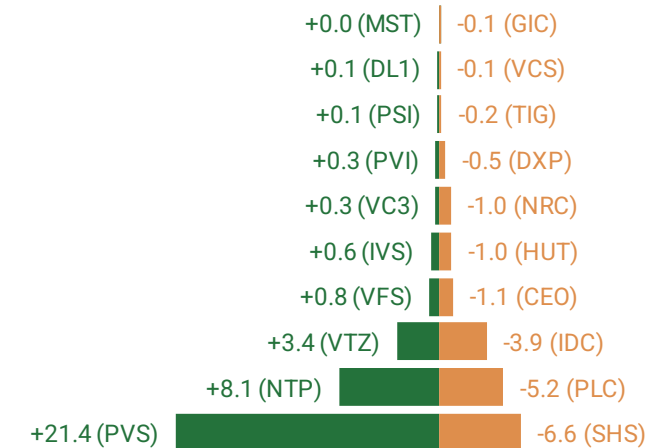
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VHM	HPG	ACB	BSR
%DoD	-2.4%	6.5%	-1.1%	-2.2%	5.9%
Giá trị	1,117	1,005	840	654	645

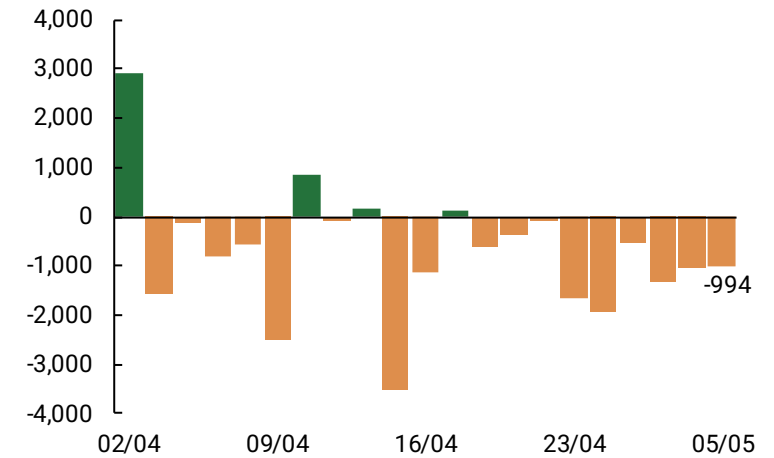
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	FPT	VJC	PTB	GMD
%DoD	3.5%	0.8%	0.6%	-0.2%	3.3%
Giá trị	890	475	333	197	185

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



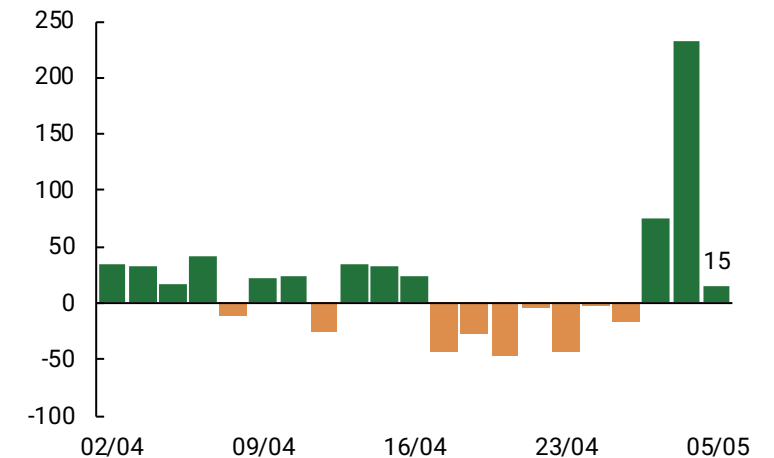
	PVS	CEO	SHS	IDC	MBS
%DoD	2.8%	-3.4%	-1.2%	-0.9%	-1.0%
Giá trị	232	227	92	60	58

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	SGH	IDC	TIG
%DoD	-1.2%	-0.6%	0.0%	-0.9%	1.5%
Giá trị	281	24	4	3	2

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh trong biên đi ngang, vol tăng gần mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1760 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1910.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt
- ✓ Xu hướng: Đi lên trong phân hóa.

**Kịch bản:** Vận động tiếp tục rung lắc trong biên ngang. Trường hợp chỉ số bứt phá thành công ngưỡng 1880 điểm có thể hướng tới khu vực đỉnh cũ 1900 – 1910 điểm. Dù vậy, độ rộng thị trường suy yếu là điểm cần lưu ý, đà tăng hiện vẫn tập trung vào số ít các mã trụ. Nếu VN-Index vượt đỉnh trong trạng thái phân hóa, độ bền của xu hướng đi lên sẽ kém và gia tăng rủi ro đảo chiều sau đó.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh trong biên đi ngang, vol tăng gần mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 | 1920.
- ✓ Kháng cự: 2050 | 2100.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Đi lên trong phân hóa.

**Kịch bản:** Chỉ số giữ trạng thái đi ngang quanh vùng 2000 – 2040 điểm. Vận động vẫn đang bị chi phối lớn bởi nhóm Vingroup. Đà tăng được xác nhận khi VN30 bứt phá trên ngưỡng 2050, có thể tiếp tục hướng về đỉnh cũ 2100 điểm. Trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, một nhịp điều chỉnh về khu vực 1960 – 1980 là cần thiết nhằm tái tạo thêm đà.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>GVR</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>35.20</b>	P/E (x)	25.0
Exchange	HOSE		Watch zone	<b>33.5 - 34</b>	P/B (x)	2.5
Sector	Commodity Chemicals		Target price	38	EPS	1406.3
			Cut loss price	31.6	ROE	10.3%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Large	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thoát khỏi hộp tích lũy 32 - 34.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện lên ngưỡng trung bình hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Giá điều chỉnh lành mạnh và đang có xu hướng kiểm định thêm MA50 ngày
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá điều chỉnh về khu vực 33.5 - 34.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	<b>GVR</b>	Theo dõi	06/05/2026	35.20	33.5 - 34	-	38	12.43%	31.6	-6.51%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	<b>NLG</b>	Mua	01/04/2026	-	27	28.5 - 29	-6.1%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	<b>SIP</b>	Mua	09/04/2026	-	60	60.5 - 61	-1.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	<b>VIB</b>	Mua	09/04/2026	-	15.95	16.2 - 16.4	-2.1%	17.7	8.59%	15.5	-4.91%	
4	<b>HPG</b>	Mua	14/04/2026	-	27.3	27.6 - 27.8	-1.4%	31	11.91%	26	-6.14%	
5	<b>MBB</b>	Mua	06/05/2026	-	25.95	25.9 - 26.1	-0.2%	29	11.54%	24.4	-6.15%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2038.8, tăng 20.9 (+1.0%). Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước nhưng vẫn trên mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chi phối đầu phiên nhưng lực cầu trở lại trong phiên chiều giúp giá kết phiên khởi sắc.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện lên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi. Vị thế Long có thể chờ khi giá hạ nhiệt về khu vực hỗ trợ 2030, hoặc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2046. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2018.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1942.7, tăng 11.7 điểm (+0.6%). Độ lệch basis 1.8 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 44 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1925 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1960 điểm.

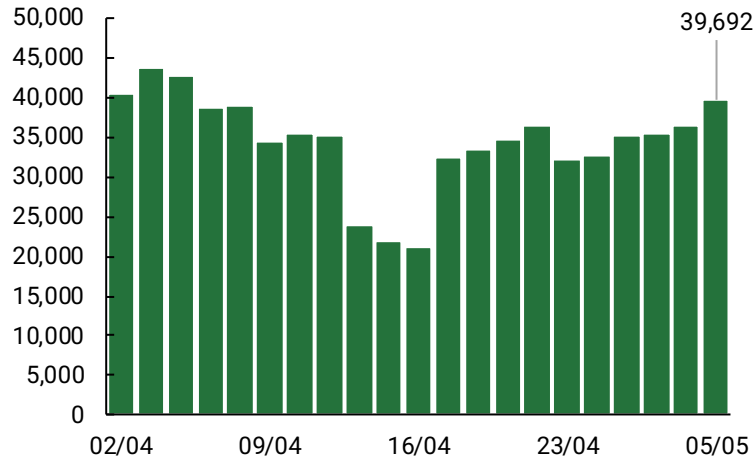
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2030	2045	2020	15 : 10
Long	> 2046	2060	2036	14 : 10
Short	< 2018	2004	2028	14 : 10

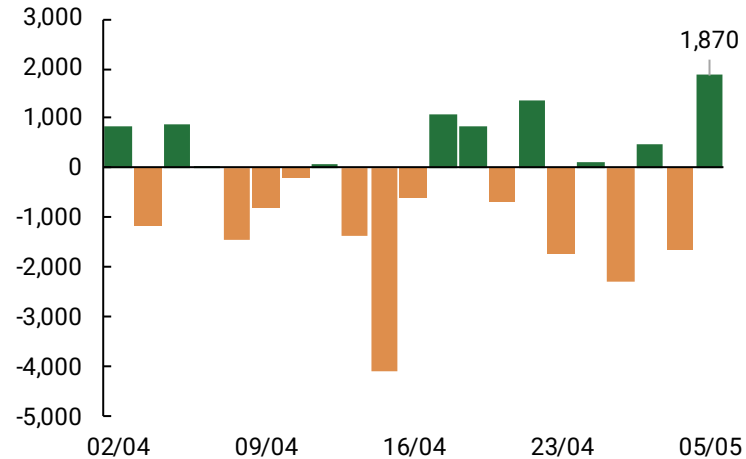
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,034.3	16.9	21	33	2,051.4	-17.1	17/12/2026	226
4111G9000	2,036.5	17.2	85	316	2,043.7	-7.2	17/09/2026	135
4111G6000	2,036.0	13.5	327	2,067	2,036.0	0.0	18/06/2026	44
4111G5000	2,038.8	20.9	251,939	39,692	2,033.6	5.2	21/05/2026	16
4112G5000	1,942.7	11.7	44	24	1,945.8	-3.1	21/05/2026	16

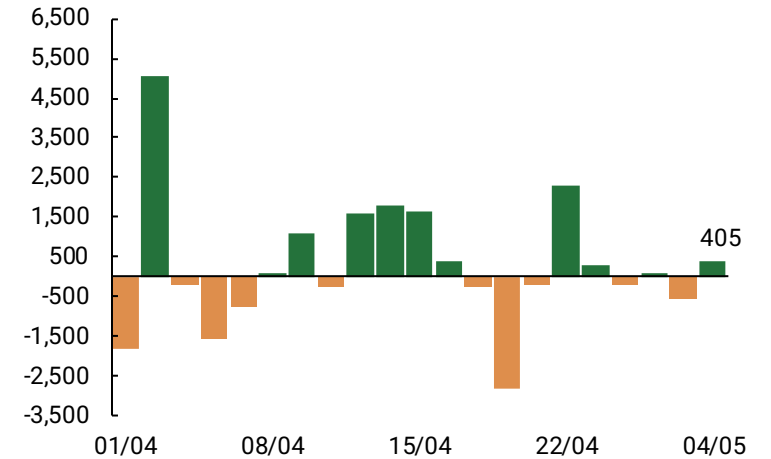
Khối lượng mở (Open interest)



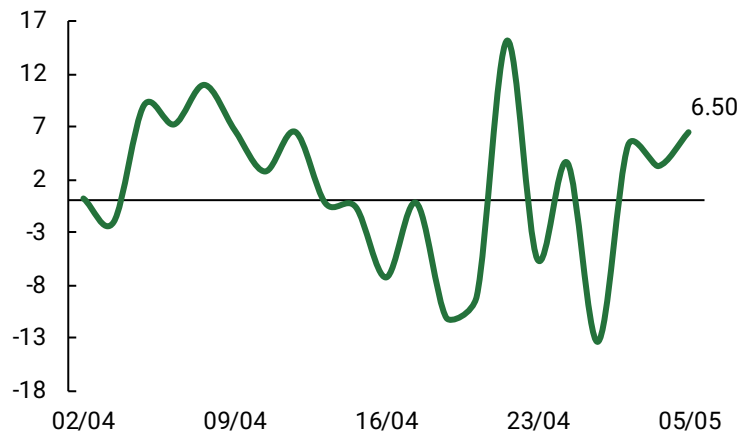
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



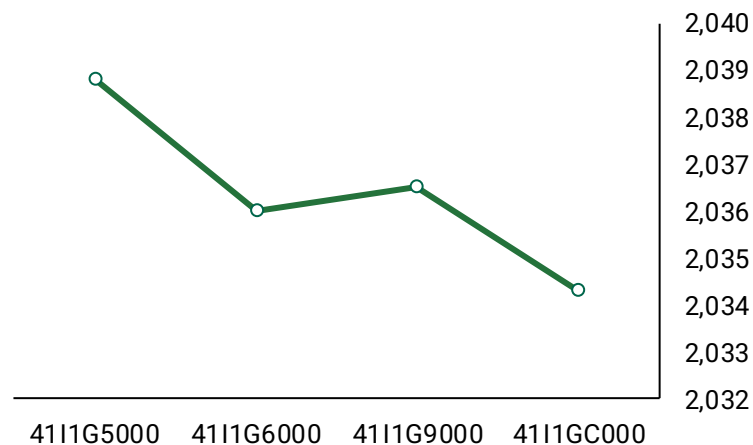
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



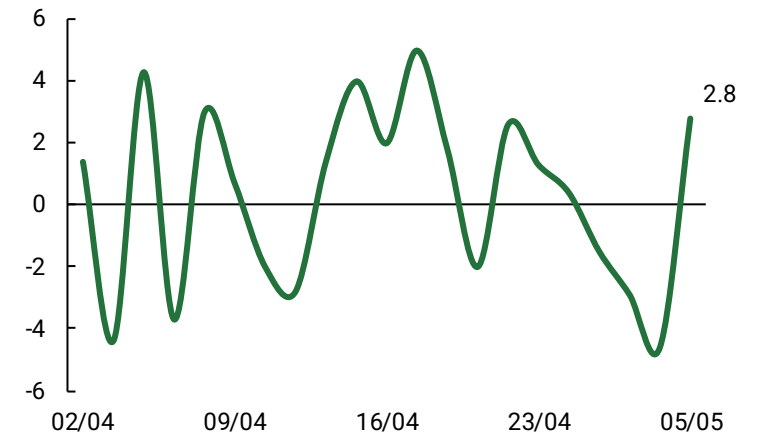
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Việt Nam được Moody's nâng triển vọng tín nhiệm lên 'Tích cực':** Ngày 4/5, Moody's nâng triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ "Ổn định" lên "Tích cực", đồng thời giữ nguyên mức xếp hạng Ba2, phản ánh đánh giá về cải cách thể chế, ổn định kinh tế vĩ mô và khả năng tăng trưởng trong trung hạn.

**Iran tuyên bố bắn trúng chiến hạm Mỹ, Mỹ nói 'phá hủy' 6 tàu hải quân Iran:** Một tàu chiến Mỹ đã bị 2 tên lửa Iran bắn trúng ngày 04/05, buộc con tàu phải quay đầu trong lúc cố vượt eo biển Hormuz, theo tuyên bố của Iran. Tuy nhiên phía Mỹ bác bỏ và nói đã 'phá hủy' 6 tàu hải quân của Iran. Sự việc diễn ra trong bối cảnh Tổng thống Trump tuyên bố Mỹ sẽ bắt đầu chiến dịch "Dự án tự do" để dẫn đường cho các tàu bị mắc kẹt ra khỏi eo biển Hormuz.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**MSR ghi nhận lợi nhuận quý 1 cao nhất lịch sử:** CTCP Masan High-Tech Materials đang ghi nhận bước ngoặt rõ nét trong năm 2026 khi đồng thời hưởng lợi từ chu kỳ giá vonfram thuận lợi và hiệu quả vận hành ngày càng cải thiện. Quý 1/2026, doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) đạt 537 tỷ đồng, đảo chiều mạnh so với khoản lỗ 222 tỷ đồng cùng kỳ năm trước và là mức lợi nhuận theo quý cao nhất từ trước đến nay.

**NKG - Ngành tôn mạ gặp khó, lãi giảm 66% trong quý 1:** Trong 3 tháng đầu năm, NKG ghi nhận doanh thu thuần gần 3.3 ngàn tỷ đồng và lãi ròng hơn 22 tỷ đồng, giảm tương ứng 20% và 66% so với cùng kỳ. Nhu cầu yếu, biên lợi nhuận co hẹp là nguyên nhân chính. Điểm sáng là doanh thu tài chính gấp đôi lên gần 100 tỷ đồng, trong khi các chi phí tài chính, chi phí bán hàng đều giảm mạnh. Kết quả âm ảm của NKG được công bố trong bối cảnh nhiều nước dựng rào cản thương mại với tôn mạ Việt Nam, từ đó tác động tới công ty có tỷ trọng xuất khẩu cao như NKG.

**HAH - Biên lãi gộp hăng tàu Hải An mở rộng trong quý 1:** Kết thúc quý đầu năm 2026, Xếp dỡ Hải An ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,260 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận vượt trội so với doanh thu khi công ty báo lãi ròng 300 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 29%. Yếu tố chính dẫn đến mức lợi nhuận này là việc cải thiện hiệu quả kinh doanh. Cụ thể, biên lợi nhuận gộp hợp nhất của doanh nghiệp tăng từ mức 32.9% của cùng kỳ năm trước lên 39.1% trong quý 1/2026. Trong đó, mảng khai thác tàu đóng vai trò động lực chủ chốt khi biên lợi nhuận gộp tăng từ 24.1% lên 31%.

**VGI - Viettel Global tăng trưởng doanh thu 30%:** Trong quý 1/2026, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 12,568 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Trong suốt 17 quý (kể từ Quý 1/2022), doanh thu của Viettel Global luôn tăng trưởng hai con số, gấp 4-6 lần so với mức trung bình của ngành viễn thông toàn cầu. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức 3,484 tỷ đồng, tăng 166% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2,329 tỷ đồng, tăng trưởng 471%. Kết quả này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng đồng bộ tại hầu hết các công ty con, công ty liên doanh liên kết và hiệu quả từ chiến lược chuyển đổi số trong hoạt động đầu tư viễn thông quốc tế.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,300	73,400	37.7%	Mua
CTG	35,300	45,200	28.0%	Mua
CTD	86,500	82,900	-4.2%	Giảm tỷ trọng
DBD	49,950	68,000	36.1%	Mua
DDV	25,971	35,900	38.2%	Mua
DGW	43,500	48,500	11.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	44,100	42,900	-2.7%	Giảm tỷ trọng
DPR	42,000	46,500	10.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,120	17,200	21.8%	Mua
EVF	12,900	14,400	11.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	148,900	157,600	5.8%	Nắm giữ
GMD	77,600	77,000	-0.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	56,700	60,300	6.3%	Nắm giữ
HDG	25,600	34,000	32.8%	Mua
HHV	12,600	12,300	-2.4%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,300	34,300	25.6%	Mua
IMP	49,900	55,000	10.2%	Tăng tỷ trọng
KDH	24,400	38,800	59.0%	Mua
MCH	135,000	177,200	31.3%	Mua
MWG	84,800	99,600	17.5%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,950	34,000	31.0%	Mua
NLG	27,000	39,900	47.8%	Mua
NT2	24,400	27,700	13.5%	Tăng tỷ trọng
PHR	63,800	72,800	14.1%	Tăng tỷ trọng
PNJ	67,400	75,500	12.0%	Tăng tỷ trọng
PVS	40,400	39,900	-1.2%	Giảm tỷ trọng
PVT	23,750	18,900	-20.4%	Bán
POW	13,650	15,000	9.9%	Nắm giữ
SAB	47,050	57,900	23.1%	Mua
SSI	27,300	32,100	17.6%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,950	50,900	1.9%	Nắm giữ
TCB	33,300	42,400	27.3%	Mua
TCM	22,900	37,900	65.5%	Mua
TRC	74,500	94,800	27.2%	Mua
VCB	59,900	84,200	40.6%	Mua
VPB	28,000	37,000	32.1%	Mua
VCG	22,850	26,200	14.7%	Tăng tỷ trọng
VHC	62,400	60,000	-3.8%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,100	66,650	9.1%	Nắm giữ

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415